

Số: /CK-TrH

Nhân Hòa, ngày tháng 10 năm 2024

**CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT
NĂM HỌC 2024-2025**

A. NỘI DUNG CÔNG KHAI

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. **Tên cơ sở giáo dục:** Trường THCS Nhân Hòa- Tam Đa

2. **Địa chỉ trụ sở:**

- Khu dân cư Hồng Phong, Thôn Nhân Mục, Xã Nhân Hòa, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng.
- Số điện thoại:
- Địa chỉ trang tin điện tử: thcsnhanhoa123@edusuccess.vn
- Website: thcsnhanhoa-tamdavb.haiphong.edu.vn

3. **Loại hình của cơ sở giáo dục:**

Giáo dục phổ thông công lập

4. **Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục**

+ Xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

+ Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

+ Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

+ Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

+ Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

5. **Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.**

- Trường Nhân Hòa-Tam Đa được thành lập từ năm 2015, trường được sáp nhập từ hai trường THCS Nhân Hòa, xã Nhân Hòa và trường THCS Tam Đa, xã Tam Đa)

Hiệu trưởng đầu tiên năm học 2015-2016, là cô Đỗ Thị Chúc, cô sinh năm 1960, hiện nay cô đã nghỉ hưu và sinh sống tại Hải Phòng. Từ năm 2016 đến nay Hiệu trưởng nhà trường là thầy Ngô Gia Nghi.

Hơn 9 năm xây dựng và trưởng thành, trường THCS Nhân Hòa Tam Đa đã đạt nhiều thành tích Xuất sắc:

Trường đạt danh hiệu Tập thể lao động Xuất sắc năm học: 2017-2018; 2021-2022; 2023-2024.

Trường đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến: Năm học 2015-2016; 2016-2017; 2018-2019; 2019-2020; 2020-2021; 2022-2023

Năm 2018: Trường đạt chuẩn Quốc gia theo quyết định số 446/QĐ- UBND của UBND thành phố ngày 02/3/2018.

Năm 2023 Trường đạt chuẩn Quốc gia cấp độ 2, kiểm định chất lượng cấp độ 3

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Ông Ngô Gia Nghi, chức vụ Hiệu trưởng, số điện thoại: 0941466288; địa chỉ mail: ngogianghipgdvb@gmail.com; địa chỉ: Tổ 2, khu dân cư Hòa Bình, Thị trấn Vĩnh Bảo - huyện Vĩnh Bảo - TP Hải Phòng.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập:

Trường THCS Nhân Hòa Tam Đa được thành lập theo Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của UBND huyện Vĩnh Bảo.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Hội đồng trường của trường THCS Nhân Hòa – Tam Đa nhiệm kỳ 2022-2027 được thành lập theo Quyết định của UBND huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng. Thành phần của hội đồng trường có 13 người, bao gồm: Bí thư Chi bộ- hiệu trưởng; Phó Chủ tịch UBND xã, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; 2 đồng chí đại diện tổ chuyên môn, 01 đại diện Giáo viên, 01 Trưởng ban Thanh tra nhân dân, 01 đại diện phụ huynh, 01 đại diện học sinh, Thư ký Hội đồng. Nhiệm kỳ của hội đồng trường là 05 năm.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng:

Ông Ngô Gia Nghi - Hiệu trưởng nhà trường được điều động và bổ nhiệm theo Quyết định 656/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2016 của UBND huyện Vĩnh Bảo, bổ nhiệm lại theo Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 05 tháng 03 năm 2021 của UBND huyện Vĩnh Bảo.

Ông Nguyễn Văn Thuận - Phó Hiệu trưởng nhà trường được bổ nhiệm theo Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015 của UBND huyện Vĩnh Bảo, bổ nhiệm lại theo Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2020 của UBND huyện Vĩnh Bảo.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

Tổng số CBQL, GV, NV là 30, trong đó CBQL: 02; GV: 25; NV 02; 01 hợp đồng trường (Hợp đồng bảo vệ). Thạc sĩ: 3; Đại học 26.

Cơ cấu	Tổng số	Nữ	Đảng viên	Trình độ					Ghi chú
				Thạc sĩ	ĐH	CD	TC	PT	
CBQL	2	0	2	1	1	0	0	0	

Tổ KHTN	12	9	10	2	10	0	0	0	
Tổ KHXX	13	10	13	0	13	0	0	0	
Văn phòng	3	2	2	0	2	0	0	1	01 hợp đồng trường BV
Tổng	30	21	27	3	26	0	0	1	

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (không có).

8. **Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:** Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

II. Thu, chi tài chính

* Đối với năm học 2023-2024:

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo các mục như sau:

- Nguồn ngân sách cấp: Tiền lương, tiền công, trích nộp BHXH, kinh phí công đoàn cấp trên, chuyên môn nghiệp vụ, mua sắm sửa chữa, thu nhập tăng thêm,...

- Nguồn học phí được cấp theo chế độ miễn giảm của Nghị định 81/2021, Nghị quyết số 54/NQ-HĐND, NQ 04/2023/NQ – HĐND

b) Các khoản chi phân theo:

- Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...) theo quy định hiện hành.

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...) theo quy định hiện hành và theo quy chế chi tiêu nội bộ.

- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...) theo quy định hiện hành và theo quy chế chi tiêu nội bộ.

- Chi khác: theo quy chế chi tiêu nội bộ.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm:

- Học phí không thực hiện thu đối với học sinh do được miễn, giảm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính Phủ và Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố Hải Phòng, mức thu: 62.000 đồng/ học sinh/tháng

- Các khoản thu theo Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022

+ Học thêm: 33.500 đồng /học sinh/buổi (1 buổi 4 tiết)

+ Nước uống: 10.000 đồng / học sinh/ tháng

+ Gửi xe học sinh: + Xe đạp: 25.000 đồng/ học sinh

+ Xe đạp điện: 40.000 đồng / học sinh

+ Số liên lạc điện tử Thực hiện CV hướng dẫn của Sở, phòng GD&ĐT hướng dẫn cho năm học 2023-2024: 120.000 đồng/ học sinh/năm học

+ BHYT gia hạn năm 2024: 680.400 đồng / học sinh thực hiện theo công văn số 1488/UBND-BHYT ngày 20/7/2023 của UBND huyện Vĩnh Bảo và CV số 1741/BHYT-QLTST ngày 19/07/2023 về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh sinh viên năm 2023-2024 của BHXH thành phố Hải Phòng: Toàn bộ kinh phí thu được nộp cơ quan BHXH huyện Vĩnh Bảo.

+ Phong trào Kế hoạch nhỏ xây dựng quỹ “công văn số 03-KH/LN ngày 14/9/2023 của Huyện đoàn và phòng Giáo dục: Vận động từ nguồn tiết kiệm bằng tiền của học sinh để nuôi lợn đất, quyên góp giấy vụn, phế liệu,.. hoặc sách, truyện, đồ chơi, quần áo còn sử dụng được.

- Thu học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí trong năm học theo quy định

*** Đối với năm học 2024-2025:**

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

+ Hỗ trợ học phí, miễn giảm học phí theo quy định của Chính phủ và Thành phố Hải Phòng: Thực hiện miễn 100% học phí

+ Nhà trường thực hiện miễn kinh phí bồi dưỡng, bổ sung kiến thức ngoài giờ chính khóa, cho học sinh khuyết tật, học sinh khuyết tật hòa nhập. Thực hiện giảm kinh phí bồi dưỡng, bổ sung kiến thức ngoài giờ chính khóa cho học sinh nghèo, học sinh cận nghèo, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

+ Nhà trường thực hiện giảm toàn bộ kinh phí sử dụng các khoản thu áp ôn luyện, liên lạc điện tử cho học sinh Khuyết tật, học sinh nghèo, học sinh cận nghèo, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, miễn cho 1 trong hai hoặc 3 anh em sinh đôi, sinh ba cùng lớp.

Dự kiến thu học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu cho từng năm học tiếp theo của cơ sở giáo dục:

- Học phí không thực hiện thu đối với học sinh do được miễn, giảm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 và Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 :
Mức thu theo Nghị quyết 04/2023/NQ – HĐND: 62.000 đồng/học sinh/tháng.

- Các khoản thu theo Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022

+ Học thêm: 36.000 đồng /học sinh/buổi (1 buổi 4 tiết)

+ Nước uống: 10.000 đồng / học sinh/ tháng

+ Gửi xe học sinh: + Xe đạp: 30.000 đồng/ học sinh

+ Số liên lạc điện tử Thực hiện CV hướng dẫn của Sở, phòng GD&ĐT hướng dẫn cho năm học 2023-2024: 120.000 đồng/ học sinh/năm học

+ BHYT gia hạn năm 2025: 884.520 đồng/học sinh thực hiện theo CV số 1894/BHYT-QLTST ngày 29/07/2024 về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh sinh viên năm 2024-2025 của BHXH thành phố Hải Phòng, số 267/UBND-BHYT ngày 30/7/2024 của BHXH huyện: Toàn bộ kinh phí thu được nộp cơ quan BHXH huyện Vĩnh Bảo.

+ Phong trào Kế hoạch nhỏ xây dựng quỹ “công văn số 03-KH/LN ngày 14/9/2023 của Huyện đoàn và phòng Giáo dục: Vận động từ nguồn tiết kiệm bằng tiền của học sinh để nuôi lợn đất, quyên góp giấy vụn, phế liệu,.. hoặc sách, truyện, đồ chơi, quần áo còn sử dụng được.

Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

III. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

Tổng số CBQL, GV, NV là 30, trong đó CBQL: 02; GV: 25; NV 02; 01 hợp đồng trường (Hợp đồng bảo vệ). Thạc sĩ: 3; Đại học 26.

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

Cơ cấu	Tổng số	Nữ	Đảng viên	Trình độ					Ghi chú
				Thạc sĩ	ĐH	CD	TC	PT	
CBQL	2	0	2	1	1	0	0	0	
Tổ KHTN	12	9	10	2	10	0	0	0	
Tổ KHXH	13	10	13	0	13	0	0	0	
Văn phòng	3	2	2	0	2	0	0	1	01 hợp đồng trường BV
Tổng	30	21	27	3	26	0	0	1	

a) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

Năm học	Tổng số CBGV	Trình độ đào tạo		
		Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng
2024-2025	27	3 (11,1%)	24 (88,9%)	0 (0,0%)

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định 100%.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Số liệu	Năm học
		2024-2025
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	
1	Phòng học	16
2	Phòng học bộ môn	9
3	Khối phục vụ học tập	4
II	Khối phòng hành chính - quản trị	5
III	Thư viện	1
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	9
	Cộng	39

c) Số thiết bị dạy học hiện có đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: 2- 6 bộ.

d) GV dạy số tiết vượt số giờ quy định 24 (do thiếu giáo viên).

e) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

1. Bộ sách giáo khoa dùng lớp 9 dùng cho năm học 2024-2025

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản	Trường THCS	Ghi chú
1	Ngữ văn 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam	Nhân Hòa Tam Đa	
2	Lịch sử và Địa lí 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang, Đào Ngọc Hùng	Giáo dục Việt Nam	Nhân Hòa Tam Đa	
3	Giáo dục công dân 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam	Nhân Hòa Tam Đa	
4	Mĩ thuật 9	Cánh Diều	Phạm Văn Tuyền	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản-Thiết bị GD VN	Nhân Hòa Tam Đa	
5	Âm nhạc 9	Cánh Diều	Đỗ Thanh Hiền	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản-Thiết bị GD VN	Nhân Hòa Tam Đa	
6	Tiếng Anh 9	Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam	Nhân Hòa Tam Đa	
7	HĐTNHN 9	Cánh diều	Nguyễn Dục Quang	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản-Thiết bị GD VN	Nhân Hòa Tam Đa	
8	Toán 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Giáo dục Việt Nam	Nhân Hòa Tam Đa	
9	Khoa học tự nhiên 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	Giáo dục Việt Nam	Nhân Hòa Tam Đa	
10	Công nghệ 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	Giáo dục Việt Nam	Nhân Hòa Tam Đa	
11	Tin học 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công	Giáo dục Việt Nam	Nhân Hòa Tam Đa	
12	Giáo dục thể chất 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết	Giáo dục Việt Nam	Nhân Hòa Tam Đa	

2. Bộ sách giáo khoa dùng lớp 8 dùng cho năm học 2024-2025

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Trường THCS	Ghi chú
1	Toán 8	Toán 8 (Cánh diều)	Đỗ Đức Thái	Nhân Hòa Tam Đa	

		Tập 1, tập 2)			
2	Ngữ văn 8	Ngữ Văn 8 (Cánh diều Tập 1, tập 2)	Nguyễn Minh Thuyết	Nhân Hòa Tam Đa	
3	TIẾNG ANH 8	Anh 8 (Global Success)	Hoàng Văn Vân	Nhân Hòa Tam Đa	
4	Giáo dục công dân 8	Cánh diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Nhân Hòa Tam Đa	
5	Khoa học tự nhiên 8	KHTN 8 (Cánh diều)	Mai Sỹ Tuấn	Nhân Hòa Tam Đa	
6	Lịch sử và Đại lí 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang, Đào Ngọc Hùng	Nhân Hòa Tam Đa	
7	Công nghệ 8	Cánh diều	Nguyễn Trọng Khanh	Nhân Hòa Tam Đa	
8	Âm nhạc 8	Cánh diều	Đỗ Thanh Hiên	Nhân Hòa Tam Đa	
9	Mĩ thuật 8	Cánh diều	Phạm Văn Tuyên	Nhân Hòa Tam Đa	
10	Tin học 8	Cánh diều	Hồ Sĩ Đàm	Nhân Hòa Tam Đa	
11	Giáo dục thể chất 8	Cánh diều	Đình Quang Ngọc	Nhân Hòa Tam Đa	
12	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 8	Cánh diều	Nguyễn Dục Quang	Nhân Hòa Tam Đa	

3. Bộ sách giáo khoa lớp 7 dùng cho năm học 2024-2025

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Trường THCS	Ghi chú
1	Toán 7	Cánh diều	Đỗ Đức Thái	Nhân Hòa Tam Đa	
2	Ngữ văn 7	Cánh diều	Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên)	Nhân Hòa Tam Đa	
3	TIẾNG ANH 7 Global Success		Hoàng Văn Vân	Nhân Hòa Tam Đa	
4	Giáo dục công dân 7	Cánh diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Nhân Hòa Tam Đa	
5	Khoa học tự nhiên 7	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn	Nhân Hòa Tam Đa	
6	Lịch sử và Đại lí 7	Cánh diều	Đỗ Thanh Bình	Nhân Hòa Tam Đa	
7	Công nghệ 7	Cánh diều	Nguyễn Tất Thắng	Nhân Hòa Tam Đa	
8	Âm nhạc 7	Cánh diều	Đỗ Thanh Hiên	Nhân Hòa Tam Đa	
9	Mĩ thuật 7	Cánh diều	Phạm Văn Tuyên	Nhân Hòa Tam Đa	
10	Tin học 7	Cánh diều	Hồ Sĩ Đàm	Nhân Hòa Tam Đa	
11	Giáo dục thể chất 7	Cánh diều	Lưu Quang Hiệp	Nhân Hòa Tam Đa	
12	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 7	Cánh diều	Nguyễn Dục Quang	Nhân Hòa Tam Đa	

4. Bộ sách giáo khoa lớp 6 dùng cho năm học 2024-2025

TT	Tên sách	Tên bộ	Tên tác giả	Nhà xuất	Trường THCS	Ghi
----	----------	--------	-------------	----------	-------------	-----

		sách	(Chủ biên)	bản		chú
1	Toán 6	Cánh điều	Đỗ Đức Thái	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Nhân Hòa Tam Đa	
2	Ngữ văn 6	Cánh điều	Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên)	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Nhân Hòa Tam Đa	
3	Tiếng Anh 6		Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam	Nhân Hòa Tam Đa	
4	Giáo dục công dân 6	Cánh điều	Trần Văn Thắng	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Nhân Hòa Tam Đa	
5	Khoa học tự nhiên	Cánh điều	Mai Sỹ Tuấn	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Nhân Hòa Tam Đa	
6	Lịch sử và Đại lí 6	Cánh điều	Đỗ Thanh Bình	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Nhân Hòa Tam Đa	
7	Công nghệ 6	Cánh điều	Nguyễn Tất Thắng	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Nhân Hòa Tam Đa	
8	Âm nhạc 6	Cánh điều	Đỗ Thanh Hiên	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Nhân Hòa Tam Đa	
9	Mĩ thuật 6	Cánh điều	Phạm Văn Tuyền	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Nhân Hòa Tam Đa	
10	Tin học 6	Cánh điều	Hồ Sĩ Đàm	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Nhân Hòa Tam Đa	
11	Giáo dục thể chất 6	Cánh điều	Lưu Quang Hiệp	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Nhân Hòa Tam Đa	
12	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 6	Cánh điều	Nguyễn Dục Quang	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Nhân Hòa Tam Đa	

Số cuốn sách giáo khoa: 2545 cuốn

Số cuốn sách nghiệp vụ: 1141 cuốn

Số cuốn sách tham khảo: 6425 cuốn

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục: Đạt chuẩn Quốc Gia cấp độ 2.

Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện để CB, GV, NV học tập đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện nghiêm túc nội quy nhà trường, các quy định của Đảng, Pháp luật của Nhà nước. Phân đầu đến tháng 12/2025, nhà

trường có 100% CBQL, GV đạt trình độ cử nhân trở lên về chuyên môn.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian: Nhà trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 từ năm 2018; đạt chuẩn Quốc gia lần thứ 2 mức độ 2 và KĐCL cấp độ 3 tháng 12/2023;

Nhà trường có kế hoạch thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hàng năm.

Điều 9: Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục:

- Tuyển sinh đầu vào lớp 6 năm học 2024-2025: 175 HS.

- Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối:

Khối	Số lớp	Số HS	Nữ	Con TB, LS	Khó khăn, hộ nghèo	Dân tộc	Khuyết tật
6	4	175	89	0	6	0	1
7	4	198	101	0	6	0	1
8	4	162	76	0	6	0	5
9	4	154	69	0	5	0	0
Tổng	16	689	335	0	23	0	7

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục: đầy đủ theo quy định.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh: phối hợp chặt chẽ và được phổ biến tại hội nghị CMHS đầu năm học.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

Công tác từ thiện trong năm học 2023-2024, tổng số tiền là: 9.220.000 đồng

- Nộp quỹ Mái ấm công đoàn: 2.320.000 đồng

- Ủng hộ Quỹ Trái tim không tật nguyên: 1.000.000 đồng, Ủng hộ chương trình

Giao lưu với nhân chứng lịch sử 1500.000 đồng

- Ủng hộ quỹ: Khuyến học huyện Vĩnh Bảo, Quỹ vì người nghèo Vĩnh Bảo, Quỹ Hội khuyết tật, trẻ mồ côi huyện Vĩnh Bảo, Quỹ Hội nông dân: tổng 3.600.000 đồng.

- Ủng hộ quỹ Hội chữ thập đỏ xã Nhân Hòa dịp tết nguyên đán 2024: 500.000 đồng.

- Mua bút ủng hộ công ty dạy nghề Đức Quyết: 300.000 đồng.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

Chất lượng giáo dục học sinh:

+ *Kết quả rèn luyện:*

- *Khối 6,7,8 đánh giá theo thông tư 22*

Năm học	Tổng số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2023- 2024	511	482	94,3	27	5,3	1	0,2	1	0,2

-Khối 9 đánh giá theo thông tư 58 kết hợp với thông tư 26.

Năm học	Tổng số HS	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2023- 2024	148	136	92,5	6	4,1	5	3,4	0	0,0

Năm học 2023-2024, tỷ lệ học sinh đạt hạnh kiểm tốt bằng so với năm học 2022- 2023.

+ Kết quả học tập:

- Khối 6,7,8 đánh giá theo thông tư 22

Năm học	Tổng số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2023-2024	511	233	45,6	176	34,4	0	0	12	2,3

-Khối 9 đánh giá theo thông tư 58 kết hợp với thông tư 26.

Năm học	Tổng số HS	Giỏi		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2023-2024	148	86	58,5	48	32,7	13	8,8	0	0,0

Năm học 2023-2024, tỷ lệ học sinh đạt văn hóa tốt (giỏi) tăng hơn năm học 2022- 2023 là 1,9 %; tỷ lệ HS xếp loại chưa đạt tăng hơn năm học 2022-2023 là 2,3%. HS lên lớp sau hè đạt: 99,41% (sau đánh giá lại).

- **Kết quả chất lượng HS giỏi cấp huyện**

Năm học	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng
2023-2024	4	15	12	21	52

- **Kết quả chất lượng HS giỏi cấp TP các môn văn hóa**

Năm học	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng
2023-2024	0	0	1	1	2

Kết quả chất lượng HS giỏi cấp TP các môn TĐTT

Năm học	Nhất (HCV)	Nhì (HCB)	Ba (HCD)	Tổng
2023-2024	0	3	2	5

- *Kết quả chất lượng HS giỏi QG các môn TDTT*

Năm học	Nhất (HCV)	Nhì (HCB)	Ba (HCD)	Tổng
2023-2024	0	1	0	1

So với năm học 2022-2023:

Số lượng học sinh đạt giải cấp huyện thấp hơn so với năm học trước (Do PGD không tổ chức các cuộc thi qua mạng và một số bộ môn khác).

Kết quả HSG cấp TP tăng 4 giải;

Kết quả HSG Quốc gia tăng 01 giải;

* Kết quả học sinh lớp 9 thi vào các trường THPT năm học 2023-2024:

- Tỷ lệ tốt nghiệp: 100%

- Tỷ lệ thi đỗ vào THPT: 91,1%

Nơi nhận:

- PGD (để báo cáo);
- CB, GV, CNV, PHHS, HS (Công khai);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Gia Nghi